TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 9-TÂY NINH** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**
Bản án số: 37/2026/DS-ST Ngày: 21-4-2026 V/v "Tranh chấp hợp đồng đặt cọc"	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9-TÂY NINH, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Yến Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Huỳnh Hải

Ông Danh Văn Hoàng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trọng Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9-Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9-Tân Ninh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Bé Thơ - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9-Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 176/2025/TLST-DS ngày 03 tháng 12 năm 2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng đặt cọc" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2026/QĐST-DS ngày 05 tháng 02 năm 2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1972 và bà Nguyễn Thị Bé T, sinh năm 1974. Cùng địa chỉ: Ấp T, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Nu T1, sinh năm 1997. Địa chỉ: Ấp T, xã T, tỉnh Đồng Tháp (theo văn bản ủy quyền ngày 24/11/2025). Có mặt.

Bị đơn: Ông Huỳnh Văn C, sinh năm 1988. Địa chỉ: Ấp R, xã V, tỉnh Tây Ninh. Vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Trần Thị Phục T2, sinh năm 1989. Địa chỉ: Ấp R, xã V, tỉnh Tây Ninh. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày:

Ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị Bé T làm nghề mua lúa nên có quen biết với ông Huỳnh Văn C làm nghề cò lúa. Vào tháng 02, tháng 03 năm 2025 ông H, bà T có nhu cầu mua giống lúa 504, 34 và Đài thơm nên có thỏa thuận để mua bán với ông Huỳnh Văn C, cụ thể các lần giao dịch như sau:

- Ngày 23-02-2025 có liên hệ ông C để mua giống lúa 504, hai bên thỏa thuận mua với giá lúa là 5.400 đồng/kg và mua số lượng 300 tấn, ông C hứa trong thời hạn 07 ngày sẽ giao lúa cho ông H, bà T và để bảo đảm lòng tin ông H và bà T có đặt cọc cho ông C số tiền 120.000.000đồng;

- Ngày 26 và ngày 28-02-2025 ông H, bà T thỏa thuận mua lúa của ông C với giá 5.300 đồng/01 kg, giống lúa 34 và đã đặt cọc cho ông C số tiền là 120.000.000đồng để mua số lượng là 300 tấn, thời hạn giao là 07 ngày;

- Ngày 02, 03 và ngày 04-3-2025 ông H, bà T đặt cọc tiếp 250.000.000đồng cho ông C để mua lúa 504 với giá 5.500 đồng/01 kg, mua số lượng 500 công, thời hạn giao lúa là 07 ngày;

- Ngày 08-3-2025 H, bà T đặt cọc tiếp 100.000.000 đồng để mua lúa Đài thơm giá 5.500 đồng/01 kg, mua số lượng 300 công, thời hạn giao lúa là 07 ngày.

Như vậy tổng tất cả các lần trên thì ông H, bà T đã đặt cọc tiền để mua lúa của ông C là 590.000.000 đồng (Năm trăm chín mươi triệu đồng). Số tiền đặt cọc với mục đích để ông C lấy tiền này đặt cọc lại các hộ dân trồng lúa để đảm bảo việc mua bán lúa cho ông bà.

Đến ngày hẹn, ngày 07-3-2025, ông H và bà T tiến hành nhận lúa thì ông C không có lúa để giao vì thực tế ông C không canh tác lúa và khi đi hỏi các hộ dân có đất sản xuất lúa tại khu vực ông C sinh sống được biết là ông C không sử dụng tiền cọc để đặt cọc lúa lại cho những hộ dân có canh tác lúa mà lấy tiền cọc của ông H, bà T tiêu xài cá nhân.

Sau đó ông H, bà T tìm gặp ông C yêu cầu ông C hoàn trả lại toàn bộ số tiền đã đặt cọc hoặc là ông C phải giao lúa theo như thỏa thuận ban đầu thì ông C không chịu trả tiền cọc và ông cũng không có lúa để giao. Sau đó ông C có trả cho lại số tiền 377.000.000 đồng, số tiền còn lại 213.000.000 đồng ông không chịu trả. Nay ông H và bà T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Huỳnh Văn C có nghĩa vụ trả cho ông bà số tiền còn thiếu là 213.000.000 đồng (Hai trăm mười ba triệu đồng) và không yêu cầu tiền lãi.

Ngoài ra, quá trình giải quyết vụ án, đại diện nguyên đơn yêu cầu Tòa án xác định bà Trần Thị Phục T2, sinh năm 1989, là vợ của ông Huỳnh Văn C có nghĩa vụ liên đới cùng ông C trả số tiền ông C còn nợ ông H và bà T.

Bị đơn ông Huỳnh Văn C vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không thể hiện ý kiến trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và rút lại yêu cầu xác định bà Trần Thị Phục T2, sinh năm 1989, là vợ của ông Huỳnh Văn C có nghĩa vụ liên đới cùng ông C trả số tiền ông C còn nợ ông H và bà T vì hiện tại không có căn cứ xác định bà T2 là vợ hợp pháp của ông C và chưa xác định được nơi cứ trú hiện tại của bà T2.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS). Đối với các đương sự, nguyên đơn và người đại diện của nguyên đơn đã chấp hành đúng theo quy định của BLTTDS. Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định, vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Về việc giải quyết vụ án: Đối với yêu cầu của ông H và bà T yêu cầu ông Huỳnh Văn C trả cho ông, bà số tiền còn thiếu gốc là 213.000.000 đồng (Hai trăm mười ba triệu đồng) và không yêu cầu tính lãi suất là có cơ sở chấp nhận vì: căn cứ vào Giấy chuyển tiền ngày 23/02/2025, 26/02/2025, 29/02/2025, 02/3/2025, 03/3/2025, 04/3/2025, 08/3/2025 tổng cộng ông H chuyển khoản cho ông C số tiền 590.000.000 đồng tiền đặc cọc lúa và biên nhận ông C thừa nhận có nhận tiền cọc lúa của ông H số tiền 590.000.000 đồng, sau đó, ông C đã trả được cho ông H số tiền 377.000.000 đồng, ông C còn nợ lại ông H, bà T số tiền 213.000.000 đồng. Do ông C đã nhận tiền cọc lúa của ông H nhưng ông C không giao lúa cho ông H và ông C đã sử dụng tiền vào mục đích cá nhân nên ông C phải trả cho ông H, bà T số tiền 213.000.000 đồng. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H, bà T buộc ông Huỳnh Văn C trả cho ông H, bà T số tiền 213.000.000 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 328, 357, Điều 430, 434, 440 Bộ luật Dân sự.

Bà Nu T1 đại diện cho nguyên đơn không yêu cầu người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Phục T2 phải liên đới với ông C trả số tiền 213.000.000 đồng cho ông H, bà Bé T nên không xem xét.

Đối với ông C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do tại các phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nên Tòa án giải quyết vắng mặt ông C là phù hợp theo Điều 227 BLTTDS.

Từ phân tích trên căn cứ Điều 26; Điều 35; Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ các Điều 328, 357, Điều 430, 434, 440 Bộ luật Dân sự đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông H, bà T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền: Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn, Tòa án xác định quan hệ pháp luật là "Tranh chấp hợp đồng đặt cọc". Bị đơn cư trú tại Ấp E, xã V, tỉnh Tây Ninh nên căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân khu vực 9-Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, căn cứ quy định tại các điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt là đúng quy định của pháp luật.

[3] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nhận thấy:

[3.1] Nguyên đơn khởi kiện bị đơn và cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình thông qua các tài liệu, chứng cứ sau: Các thỏa thuận về việc đặt cọc và việc giao nhận số tiền 590.000.000đồng thông qua các thông tin sao kê của ngân hàng về từng lần chuyển tiền. Bên cạnh đó, nguyên đơn còn cung cấp được tài liệu chứng cứ là biên nhận thể hiện ông Huỳnh Văn C có nhận tiền cọc lúa ông H tổng số tiền 590.000.000 đồng có chữ ký tên xác nhận của ông C. Sau đó, nguyên đơn cho rằng bị đơn có trả lại 377.000.000 đồng và còn nợ nguyên đơn 213.000.000 đồng. Nhận thấy yêu cầu của khởi kiện của nguyên đơn và tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp là phù hợp nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại các điều 116, 118, 119, 134, 274, 275, 278, 280, 328, 430, 434, 440 Bộ luật Dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

[3.2] Về tiền lãi, nguyên đơn tự nguyện không yêu cầu, không buộc bị đơn trả lãi là quyền tự định đoạt của đương sự, phù hợp với quy định tại Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3.3] Về việc buộc thực hiện nghĩa vụ liên đới của bà Trần Thị Phục T2: Do đại diện nguyên đơn có yêu cầu xác định bà T2 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án để cùng bị đơn có nghĩa vụ liên đới trả số tiền còn nợ nguyên đơn, Tòa án đã ra thông báo xác định bổ sung người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Tuy nhiên, tại phiên Tòa người đại diện của nguyên đơn trình bày không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh bà Trần Thị Phục T2 và ông Huỳnh Văn C là vợ chồng hợp pháp, không xác định được nơi cư trú hiện tại của bà T2 và việc ông C sử dụng số tiền nhận của nguyên đơn nhằm mục đích phục vụ nhu cầu thiết yếu trong gia đình nên đã rút yêu cầu về việc buộc bà T2 có nghĩa vụ liên đới cùng ông C trả nợ. Đây là quyền tự định đoạt của đương sự phù hợp với quy định tại Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và các điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên nguyên đơn được hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp, bị đơn phải chịu tiền án phí có giá ngạch đối với số tiền phải trả cho nguyên đơn.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 147, Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Các điều 116, 118, 119, 134, 274, 275, 278, 280, 288, 328, 430, 434, 440 Bộ luật Dân sự; Các điều 27 và Điều 37 Luật Hôn nhân gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị Bé T về việc "Tranh chấp hợp đồng đặt cọc" với bị đơn ông Huỳnh Văn C.

Buộc ông Huỳnh Văn C có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị Bé T số tiền 213.000.000 đồng (hai trăm mười ba triệu đồng) .

2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, nếu người phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì người phải chịu lãi suất chậm trả theo quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí: Buộc ông Huỳnh Văn C phải chịu 10.650.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm sung ngân sách Nhà nước.

Hoàn trả cho nguyên đơn ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị Bé T 5.325.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh theo biên lai thu tiền số 0014213 ngày 03/12/2025.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ quy định tại Điều 271 và Điều 273 Bộ luật luật tố tụng dân sự, báo cho đương sự có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND,VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND KV9-Tây Ninh;
- Phòng THADS KV9-Tây Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu.

Huỳnh Thị Yến L